

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH SÁCH NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG THANH HÓA CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

TS. LÊ THỊ PHƯỢNG*

So với nhiều tỉnh thành trong cả nước, việc triển khai dạy học chương trình (CT) ngữ văn địa phương (NVĐP) trong các trường trung học cơ sở (THCS) của tỉnh Thanh Hóa được thực hiện khá sớm và đồng bộ, từ năm học 2006 - 2007. Bài viết đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng nội dung CT, sách NVĐP Thanh Hóa các lớp 6, 7, 8, 9 góp phần thực hiện mục tiêu CT môn học NV bậc THCS.

1. Tích hợp với các nội dung lớn của CTNV chính khóa ở THCS để lựa chọn nội dung dạy học tiêu biểu, phù hợp cho cả ba phần: Văn học địa phương - Tiếng địa phương (TĐP) - TLV về địa phương

Chương trình (CT), sách NVĐP Thanh Hóa các lớp 6, 7, 8, 9 hiện hành cần tổ chức xây dựng các nội dung dạy học theo nguyên tắc: "*hàng ngang*": lấy mạch kiến thức, kỹ năng của CT chính khóa làm trục tích hợp để tuyển chọn các nội dung địa phương vào giảng dạy cho từng khối/lớp hoặc tích hợp kiến thức, kỹ năng của ba phần VHĐP - Tiếng địa phương - TLV về địa phương trong từng bài học/tiết học; và nguyên tắc "*đồng tâm*": lặp lại kiến thức, kỹ năng trong nội bộ môn học ở từng tiết học, bài học nhưng không phải là sự lặp lại giản đơn mà có sự nâng cao, kết hợp khó hơn, phức tạp hơn ở lớp sau so với lớp trước.

Để giáo viên (GV) và học sinh (HS) trong các trường THCS của tỉnh thực hiện được mục đích dạy học trên, chương trình NVĐP Thanh Hóa cần tích hợp với các nội dung lớn của CTNV chính khóa để lựa chọn và tổ chức nội dung dạy học cho phù hợp. Cụ thể:

1) Ở CT NVĐP Thanh Hóa lớp 6: - Bài 19, tiết 70: "Đọc hiểu một số truyện dân gian Thanh Hóa tiêu biểu" (phần *Văn*); tiết 71: "Tìm hiểu một số trò chơi dân gian Thanh Hóa qua hình thức kể lại hoặc trình diễn cách chơi" (phần *TLV*); - Bài 24, tiết 87: "TV - Rèn luyện chính tả phát hiện các lỗi phát âm địa phương Thanh Hóa thường gặp" (phần *TV*); - Bài 37, tiết 139: "Đọc hiểu một số văn bản nhật dụng về ý nghĩa của di tích lịch sử, vẻ đẹp của danh lam thắng cảnh, vấn đề bảo vệ và gìn giữ môi trường ở

địa phương Thanh Hóa"; tiết 140: "Luyện nói và viết bài văn miêu tả về một di tích lịch sử hoặc danh thắng của địa phương Thanh Hóa".

Như vậy, để không bị trùng lặp nội dung dạy học với bài 22, tiết 92 ở lớp 8 NVĐP Thanh Hóa và phù hợp với chuẩn kiến thức, kỹ năng CT chính khóa đã quy định ở bậc THCS, tiết 140 bài 37 ở lớp 6 trong sách NVĐP Thanh Hóa cần biên soạn rõ kết quả cần đạt, nội dung dạy học cho phần TLV về địa phương. Mục *Luyện tập* (trang 37): "Viết bài giới thiệu một danh thắng hoặc một di tích của địa phương em" nên điều chỉnh lại là "Luyện nói và viết bài văn miêu tả về một danh thắng hoặc một di tích của địa phương em". Mục *Hướng dẫn đọc thêm* trong bài 37 (tiết 139 và 140) ở lớp 6 cần bổ sung hệ thống câu hỏi dẫn dắt HS tìm hiểu nội dung, giá trị của văn bản "Thanh Hóa, mảnh đất của di tích văn hóa - lịch sử", khơi gợi suy nghĩ, tình cảm, trách nhiệm của HS về các giá trị truyền thống của quê hương được phản ánh qua văn bản đọc hiểu này.

2) Ở chương trình NVĐP Thanh Hóa lớp 7: - Bài 18, tiết 69: "Luyện tập sửa chữa lỗi chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương Thanh Hóa" (phần *TV*); - Bài 20, tiết 74: "Đọc hiểu tục ngữ, ca dao, dân ca Thanh Hóa" (phần *Văn*); - Bài 36: + Tiết 133: "Luyện nói và viết bài văn biểu cảm về ca dao, dân ca, tục ngữ Thanh Hóa"; tiết 134: "Luyện nói và viết bài văn nghị luận về ca dao, dân ca, tục ngữ Thanh Hóa"; - Bài 37, tiết 137: "Sửa lỗi chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương Thanh Hóa" (tiếp tiết 69) (phần *TV*); tiết 138: "Thành ngữ địa phương Thanh Hóa" (phần *TLV*).

Như vậy, trong CT NVĐP phần *TV* lớp 7 có 3 tiết thì nên dành 2 tiết tập trung rèn kỹ năng chính tả cho HS để khắc phục lỗi phát âm địa phương Thanh Hóa; 1 tiết giúp HS tìm hiểu "Thành ngữ địa phương Thanh Hóa"; hướng HS vào các nội dung luyện tập rèn kỹ năng theo từng mức độ như "nhận biết", "phát hiện lỗi sai" và "cách sửa lỗi chính tả, lỗi phát âm địa phương".

* Trường Đại học Hồng Đức - Thanh Hóa

Bài 20, tiết 74 phần Văn cần điều chỉnh lại là “Đọc hiểu ca dao, dân ca, tục ngữ Thanh Hóa” vừa để xác định rõ nội dung bài trong học phần, vừa có tính chất định hướng triển khai hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS, qua đó tránh sự nhầm lẫn với “giới thiệu” - một thao tác cơ bản của tạo lập kiểu văn bản thuyết minh (dạy học ở lớp 8, 9 chương trình chính khóa).

Phần TLV, bài 36, tiết 133, 134 nên bỏ chữ “Tổng kết về ca dao - dân ca - tục ngữ” (tr.63) vì gây hiểu lầm sang nội dung dạy học phần Văn. Tên bài học cần xác định rõ nội dung dạy học kiểu văn bản cụ thể. Theo mạch kiến thức, kĩ năng của chương trình TLV chính khóa ở lớp 7 thì kiểu văn bản HS đang học là: biểu cảm và nghị luận; phần Văn chính khóa lớp 7 chủ yếu đọc hiểu các văn bản trữ tình dân gian. Vì vậy, thực hiện tích hợp “hàng ngang và đồng tâm”, chúng tôi điều chỉnh tên bài học ở 2 tiết này là: “Luyện nói và viết bài văn biểu cảm về ca dao, dân ca, tục ngữ Thanh Hóa” (tiết 133) và “Luyện nói và viết bài văn nghị luận về ca dao, dân ca, tục ngữ Thanh Hóa” (tiết 134).

3) Ở CT NVĐP Thanh Hóa lớp 8: - Bài 8, tiết 31: “Từ ngữ chỉ người có quan hệ ruột thịt thân thích ở địa phương Thanh Hóa” (phần TLV); - Bài 33, tiết 137: “Từ ngữ xưng hô ở địa phương Thanh Hóa” (phần TV); - Bài 14, tiết 52: Đọc hiểu tác phẩm văn học tiêu biểu viết về Thanh Hóa trước 1975 (phần Văn); - Bài 22, tiết 92: Phần TLV - Luyện nói và viết bài văn thuyết minh về một di tích lịch sử, văn hóa hoặc danh lam thắng cảnh ở Thanh Hóa; - Bài 30, tiết 121: Luyện nói và viết bài văn thuyết minh về một tác giả, tác phẩm văn học tiêu biểu ở Thanh Hóa.

Nếu theo mạch CT NV chính khóa lớp 8 thì nội dung dạy học phần Văn là đọc hiểu các văn bản thơ, truyện ngắn trước năm 1945. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, số lượng tác giả, TPVH viết về Thanh Hóa thời kì này không nhiều. Vì vậy, CT, sách NVĐP Thanh Hóa bậc THCS năm 2013 đã tuyển chọn nội dung dạy học đến trước năm 1975. Xét về mặt thể loại, sẽ không có gì ảnh hưởng; tuy nhiên, về đề tài, chủ đề, cảm hứng,... trong các TPVH viết về Thanh Hóa so với các TPVH trong CT chính khóa sẽ bị “lệch pha” nên GV không thể thực hiện so sánh để làm phong phú hay làm sáng tỏ cho CT chính khóa.

Để phù hợp với mục tiêu đề ra, phần Văn trong sách NVĐP Thanh Hóa lớp 8 cần tuyển chọn đưa vào dạy học đọc hiểu và hướng dẫn đọc thêm hoặc bổ sung phần Phụ lục giúp GV và HS nắm được các thành tựu tiêu biểu của VHĐP Thanh Hóa từ thời trung

đại đến giai đoạn trước 1975 và có thêm tư liệu dạy học. Các tác phẩm văn học đọc hiểu như: *Đáp Bắc nhân văn An Nam phong tục* (Hồ Quý Ly), *Đề kiếm* (Nguyễn Trãi), *Thuyền than lại đậu bên than* (Anh Chi), *Ngày gặp gỡ* (Hồ Dzếnh), *Nhớ* (Hồng Nguyên). Các tác phẩm đọc thêm có hướng dẫn như: *Tre Việt Nam*, *Bầu trời vuông* của Nguyễn Duy, *Tiếng đàn bầu* (Lữ Giang), *Hoa lúa* (Hữu Loan),...

Trong phần TV: tiết 31 “Từ ngữ chỉ người có quan hệ ruột thịt thân thích ở địa phương Thanh Hóa” và tiết 137 “Từ ngữ xưng hô ở địa phương Thanh Hóa” hướng HS vào hai nội dung chính là tìm hiểu để mở rộng vốn từ địa phương và so sánh với từ toàn dân để củng cố hiểu biết về từ địa phương. Cũng cần lưu ý rằng, các khái niệm về “từ địa phương”, “phương ngữ” và “từ cổ” cần cung cấp cho HS ngay ở tiết học 31 lớp 8 để HS có cơ sở giải quyết các bài tập nhận biết từ địa phương, so sánh phân biệt từ địa phương với từ toàn dân, nhận biết từ cổ,... (sách NVĐP Thanh Hóa hiện nay phải đến tiết 63, bài 13 lớp 9 mới cung cấp các khái niệm này).

Trong phần TLV: tiết 92 phải xác định rõ nội dung cần làm phong phú và sáng tỏ cho chương trình TLV chính khóa là: luyện nói và viết bài văn thuyết minh về một di tích lịch sử, văn hóa hoặc danh lam thắng cảnh ở Thanh Hóa. Nếu để tên bài học như hiện nay “Hướng dẫn viết bài giới thiệu về một di tích lịch sử, văn hóa hoặc danh lam thắng cảnh Thanh Hóa” (tr.28) sẽ không xác định rõ nội dung dạy học (kiểu văn bản nào) và bị trùng lặp không logic với nội dung bài 37 lớp 6 (tiết 139, 140): “Giới thiệu danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử, văn hóa Thanh Hóa” (tr.33).

Tương tự như vậy, tiết 121 phần TLV về địa phương lớp 8 “Lựa chọn, tìm hiểu viết bài về một hiện tượng hay khía cạnh đời sống ở Thanh Hóa” (tr.34) điều chỉnh lại tên và nội dung bài học là “Luyện nói và viết bài văn thuyết minh về một tác giả, tác phẩm văn học tiêu biểu ở Thanh Hóa”. Tổ chức nội dung dạy học như vậy để tạo điều kiện cho việc tích hợp với chương trình TLV chính khóa lớp 8, tích hợp giữa VHĐP Thanh Hóa với TLV về địa phương Thanh Hóa. NV8 chính khóa gợi ý nội dung dạy học bài 30 tiết 121 cho phần VHĐP, trong khi chương trình NVĐP Thanh Hóa lớp 8 hiện hành lại quy định tiết này dành cho phần TLV về địa phương... vì vậy GV cần lưu ý để tránh bị nhầm lẫn. Hơn nữa, kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống lần đầu tiên được đưa vào giảng dạy trong sách NV THCS nhưng phải đến lớp 9 (chính khóa) HS mới được học.

4) Ở CT NVĐP Thanh Hóa lớp 9: - Bài 9: + Tiết 42: Đọc hiểu tác phẩm văn học tiêu biểu viết về Thanh Hóa sau năm 1975 (phần *Văn*); - **Bài 13: + Tiết 63:** "Tìm hiểu từ ngữ địa phương Thanh Hóa" (phần *TV*); - **Bài 26: + Tiết 133:** "Luyện tập sử dụng từ ngữ địa phương Thanh Hóa" (phần *Văn*); - **Bài 28: + Tiết 101:** "Nêu ý kiến riêng dưới dạng nghị luận về một sự việc, hiện tượng ở Thanh Hóa" (phần *TLV* - Luyện nói); + **Tiết 143:** Luyện tập viết bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng ở Thanh Hóa (phần *TLV*).

Do số lượng TPVH viết về Thanh Hóa sau năm 1975 rất phong phú mà thời lượng dành cho phần VHĐP ở lớp 9 chỉ có 01 tiết nên việc lựa chọn văn bản "*Dô tã dô tã*" dạy học phần *Đọc hiểu* là phù hợp. Bên cạnh đó, cần giới thiệu các văn bản đọc thêm có hướng dẫn hoặc bổ sung phần *Phụ lục* giúp người dạy, người học nắm được các thành tựu nổi bật của VHĐP Thanh Hóa sau 1975.

Phần *TLV* cũng cần biên soạn lại nội dung dạy học cho phù hợp. Chẳng hạn: tiết 101 sẽ là "Nêu ý kiến riêng dưới dạng nghị luận về một sự việc, hiện tượng ở Thanh Hóa" (phần *Luyện nói*) và tiết 143: "Luyện tập viết bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng ở Thanh Hóa". Bởi nếu để tên bài học như hiện nay: "Lựa chọn, tìm hiểu, viết bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng ở Thanh Hóa" (tiết 101) và "Khắc sâu lí thuyết, kĩ năng nghị luận về một sự việc, hiện tượng ở Thanh Hóa" (tiết 143) không những bị trùng lặp nội dung dạy học mà còn không làm phong phú, sáng tỏ cho chương trình *TLV* chính khóa ở lớp 9. Theo tác giả, nên tăng thời lượng dạy học phần VHĐP, giảm bớt số tiết phần *TĐP* và *TLV* về địa phương cho tương xứng với vị trí, nội dung của môn học trong chương trình chính khóa (phân phối chương trình) địa phương Thanh Hóa hiện nay: VHĐP (5,5 tiết) - *TĐP* (7 tiết) - *TLV* về địa phương (6,5 tiết). Trong khi PPCT chính khóa chỉ tính riêng lớp 9: phần *Văn* (81 tiết), *TV* (36 tiết), *TLV* (49 tiết).

2. Tuyển chọn các TPVH học tiêu biểu mang đậm sắc thái địa phương Thanh Hóa

Một tác phẩm VHĐP không có nét tiêu biểu, đặc sắc của địa phương thì không thể giúp HS nhận ra đặc trưng của quê hương mình. Chương trình VHĐP Thanh Hóa nhằm giúp HS hiểu biết và hòa nhập hơn với môi trường mà mình đang sống, có ý thức tìm hiểu giữ gìn và bảo vệ các giá trị văn hóa của quê hương, từ đó giáo dục cho các em lòng tự hào về quê hương xứ sở của mình. Để đạt mục đích đó, chương trình cần lựa chọn được những TPVH tiêu biểu đặc sắc mang đậm bản sắc của đất và người xứ Thanh. Bên

canh những bài ca dao, dân ca, truyện dân gian Thanh Hóa nổi tiếng còn có thể kể ra nhiều tác phẩm thơ, truyện Thanh Hóa tiêu biểu như: *Ngáy gập gờ* (Hồ Dzếnh), *Thuyền than lại đậu bến than* (Anh Chi), *Nhờ* (Hong Nguyên), *Đò Lèn, Cầu Bó* (Nguyễn Duy), *Làng cỏ, Dô tã dô tã* (Mạnh Lê), *Trụ cầu Hàm Rồng* (Mã Giang Lân), *Em về với biển Sầm Sơn* (Huy Tru), *Nhà hàng hải* (Đặng Ái), *Quả còn* (Hà Thị Cẩm Anh),... Với những TPVH hay của Thanh Hóa nhưng không mang sắc thái xứ Thanh thì nên giới thiệu, hướng dẫn đọc hiểu ở phần *Đọc thêm* như *Tre Việt Nam, Bầu trời vuông, Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa* (Nguyễn Duy), *Hoa lúa, Đèo cá* (Hữu Loan), *Tiếng đàn bầu* (Lữ Giang), *Lũy tre xanh* (Hồ Dzếnh), *Người tình của cha, Mỗi tình chàng Lung mù* (Từ Nguyên Tĩnh), *Quá khứ* (Nguyễn Ngọc Liễn), *Mẹ ra Hà Nội* (Lê Đình Cảnh), *Ve sầu* (Mai Ngọc Thanh), *Kính tặng mẹ* (Mã Giang Lân), *Người già* (Nguyễn Ngọc Quê), *Lời cây buồm* (Văn Đắc),...

3. Cân đối giữa thời lượng/tiết học với nội dung bài học NVĐP Thanh Hóa; phù hợp với trình độ tâm lí tiếp nhận của HS THCS

Một trong những nguyên tắc quan trọng của phân phối chương trình và SGK tổ chức bài học là phải đảm bảo tính vừa sức cả về nội dung và thời lượng dạy học trong một thời gian dạy học nhất định (tiết học) nhằm đạt được một số chuẩn kiến thức và kĩ năng nhất định.

Sách NVĐP Thanh Hóa các lớp 6, 7, 8, 9 hiện hành có nhiều bài quá tải như đã nêu. Để tạo sự thống nhất về nhận thức cũng như việc thực hiện dạy học của GV được nhẹ nhàng, thuận tiện, sách NVĐP Thanh Hóa bậc THCS cần biên soạn cụ thể nội dung bài học cho từng tiết dạy trên lớp (kể cả phần *Hướng dẫn đọc thêm, Phụ lục tham khảo*); tách bạch yêu cầu "Kết quả cần đạt" cho tiết học chính khóa không ghép hỗn hợp vào với phần đọc thêm như hiện nay gây ra nhiều cách hiểu và thực hiện không thống nhất trong các nhà trường THCS. Ngoài ra, phần *Kết quả cần đạt, Ghi nhớ* và hệ thống câu hỏi bài tập ở mỗi tiết học/bài học cần được "lượng hóa" ngắn gọn, phù hợp với trình độ lứa tuổi HS cũng như căn cứ vào nội dung dạy học và các thang phân loại nhận thức, phân loại xúc cảm, phân loại kĩ năng.

4. Vận dụng các thang đo của Bloom để biên soạn hệ thống câu hỏi, bài tập trong sách NVĐP Thanh Hóa cấp THCS

Như nhiều nước trên thế giới, tại Việt Nam, chương trình các môn học ở bậc phổ thông hiện cũng đang sử dụng *Thang phân loại Bloom* (Bloom's Taxonomy) để "lượng hóa" các mục tiêu

giáo dục; qua đó, làm căn cứ xây dựng chuẩn tối thiểu môn học, biên soạn nội dung dạy học và đo lường kết quả kiến thức môn học của HS.

1) Câu hỏi, bài tập ở mức độ 1: biết (Knowledge): là khả năng ghi nhớ và nhắc lại được những kiến thức đã học mà chưa cần giải thích, phân tích hay sử dụng những kiến thức đó (nhớ các định nghĩa, thuật ngữ, sự việc, sự kiện đặc biệt, biết cách sắp xếp cấu thành đơn vị).

Ví dụ: - Lí do nào khiến Đức Thánh Chèm từ chối không đi cùng các vị thần lên dự hội nghị thiên đình? - Vị thần trả lời Đức Thánh Chèm như thế nào khi đi dự phiên họp trên Thiên đình về? - Nội dung câu trả lời đó có ý nghĩa gì (đối với Lê Lợi, Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn)? (đọc hiểu "Ba truyền thuyết về Lê Lợi", NVĐP Thanh Hóa lớp 6); - Liệt kê những chi tiết đặc biệt về người con gái Triệu Thị Trinh. Những chi tiết đặc biệt ấy có ý nghĩa gì? - Sự kiện nào trong truyền thuyết Bà Triệu chứng tỏ Triệu Thị Trinh là một nữ anh hùng lẫm liệt? (đọc hiểu "Truyền thuyết Bà Triệu", NVĐP Thanh Hóa lớp 6); - Gạch chân các từ chỉ người có mối quan hệ ruột thịt, thân thích ở địa phương Thanh Hóa trong các ví dụ: a) *Thắng và Sơn là anh em con dấy con giã*; b) *Bố đi đâu hím, mẹ đâu nào? (Mẹ Tom - Tố Hữu)*; c) *Cả lũ cười vang bên ruộng bắp/Nhìn o thôn nữ cuối nương dâu (Nhớ - Hồng Nguyên)*; - Gạch chân từ xưng hô ở địa phương Thanh Hóa trong bài ca dao sau: "*Đêm qua mây phá cầu choa/Sáng nay lại thấy tàu xe ra vào/Phá cầu choa lại bắc cầu/Đố mây ngăn nổi con tàu Bắc Nam*" (Dạy học từ ngữ địa phương Thanh Hóa, tiết 31, 137, lớp 7; tiết 63, 133, lớp 9).

2) Câu hỏi, bài tập ở mức độ 2: Thông hiểu (Comprehension): là khả năng chuyển đổi, giải thích, cắt nghĩa, sắp xếp, diễn đạt những kiến thức đã biết theo những yêu cầu khác nhau, hoặc theo một quan điểm mới).

Ví dụ: a) Giải thích ý nghĩa nhan đề bài thơ *Dô tả dồ tà* của Mạnh Lê; b) Nhan đề bài thơ *Dô tả dồ tà* của Mạnh Lê gợi em nhớ gì về điệu hò sông Mã? c) Hình ảnh "Ăn cơm bằng đèn đi cây sáng trăng" trong bài thơ *Dô tả dồ tà* của Mạnh Lê có ý nghĩa gì? (Dạy đọc hiểu bài thơ *Dô tả dồ tà* - NVĐP Thanh Hóa lớp 9).

3) Câu hỏi, bài tập ở mức độ 3: Vận dụng (Application): là khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu nhiệm vụ, tình huống mới; phải di chuyển kiến thức từ bối cảnh quen thuộc sang một bối cảnh hoàn toàn mới.

a) *Vận dụng tái tạo:* - Gạch chân các từ viết sai chính tả trong đoạn thơ sau do ảnh hưởng của cách

phát âm địa phương Thanh Hóa và sửa lại cho đúng: "*Thắng dôi chận đánh thọc xâu/Lại về với mái tầng bàu chời vuông/Xục xôi bom lửa chín chường/Tâm tư in tình vẫn vuông một vông*"; - Tìm các từ toàn dân thay thế cho các từ địa phương được gạch chân trong đoạn thơ sau: "*Hôm chúng tôi đi nhớ nhất câu ni/Dân chúng cầm tay lắc lắc/ Độc lập nhớ rẽ viền chơi ví chắt*" (Nhớ - Hồng Nguyên); - Hãy so sánh ý nghĩa của việc dùng từ toàn dân và từ địa phương trong đoạn thơ trên.

b) *Mức độ vận dụng sáng tạo:* - Trình bày suy nghĩ và cảm xúc của em khi đọc bốn câu thơ sau: "*Có gì đâu có gì đâu/mỡ màu ít chất dòn lâu hóa nhiều/rẽ siêng không ngại đất nghèo/tre bao nhiêu rế bấy nhiêu cần cù*" (Tre Việt Nam - Nguyễn Duy) - "*Đá sao đá cũng như người/Nên hòn Trông Mái hát lời tình yêu*" (Em về với biển Sầm Sơn - Huy Trụ); - Hãy viết bài văn thuyết minh về thắng cảnh biển Sầm Sơn của quê hương em (Bài tập phần làm văn về địa phương - NVĐP Thanh Hóa lớp 8).

5. Căn tổ chức dạy học thí điểm hoặc trưng cầu ý kiến của GV cốt cán về CT, SGK mới trước khi triển khai ở THCS

Trong dạy học, GV giữ vai trò quyết định chất lượng vì là người thực hiện giảng dạy CT và SGK. Bởi vậy, trước khi triển khai CT, sách NVĐP Thanh Hóa các lớp 6,7,8,9 cần tiến hành dạy thí điểm và trưng cầu ý kiến GV cốt cán trong các trường THCS. Là những người trực tiếp giảng dạy, hàng ngày GV phải đối diện và giải quyết hàng loạt các tình huống giáo dục; có nhiều trăn trở về các vấn đề của thực tế chất lượng dạy học,... Sự đổi mới nào cũng đưa đến khó khăn, lúng túng ở những năm đầu thực hiện. Trưng cầu ý kiến của GV cốt cán là biện pháp rút ngắn khoảng cách của những bất cập hạn chế trong CT, SGK với mục tiêu giáo dục. Những quan điểm, tư tưởng đổi mới chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi GV đã hoàn toàn làm chủ CT và SGK.

"Hiểu biết địa phương là một trong những nền tảng văn hóa vun đắp tình yêu quê hương cho HS" (1). Để giáo dục địa phương trong nhà trường có chất lượng, hiệu quả yếu tố đầu tiên và then chốt là nội dung CT và SGK - sản phẩm trí tuệ và tâm huyết của tập thể các nhà sư phạm và các nhà khoa học đầu ngành. Việc xây dựng CT và biên soạn sách NVĐP Thanh Hóa không chỉ là trách nhiệm của riêng Sở GD-ĐT mà cần có sự tham gia của các nhà văn, nghệ sĩ am

(Xem tiếp trang 43)

khóai". Nhưng để cái nhìn khách quan hơn, tác giả đã đặt vấn đề ở những góc nhìn của những con người khác nhau và để cho nhân vật tự bộc lộ suy nghĩ: ở cô Hiền thì "tuy vui" nhưng "chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quê", còn ở chị vú thì "cách mạng gì mà toàn để ý những chuyện vặt vặt", ... Lại cũng có khi ý thức, suy nghĩ, quan điểm của nhân vật như có sự "đối thoại" với người kể. Ví như, khi người cô răn dạy lũ trẻ "Chúng mày là người Hà Nội thì cách đi đứng, nói năng phải có chuẩn, không được sống tùy tiện, buông tuồng". Quan niệm này như được đặt trong sự đối thoại với quan niệm của người kể ngay sau đó: "chúng tôi là người của thời loạn, các cụ lại bắt dạy con cái theo thời bình là khó lắm". Sự đối thoại về ý thức như thế tạo nên sự thay đổi điểm nhìn linh hoạt làm cho khoảng cách giữa người kể và nhân vật trở nên gần gũi, ...; việc được kể khách quan hơn; cách kể cũng trở nên linh hoạt, sinh động, hấp dẫn chứ không đều đều, nhàm chán.

Do sự TT có đan xen giữa lời kể khách quan của câu chuyện với sự suy nghĩ chủ quan của người kể và ý thức của nhân vật nên lời văn nghệ thuật cũng biến hoá linh hoạt. Có khi tác giả sử dụng "lời gián tiếp" khi dẫn dắt câu chuyện đan xen với "lời trực tiếp" khi dẫn lời nhân vật hay bộc lộ nội tâm suy nghĩ của chính mình. Có khi người viết lại lồng vào trong lời kể ý thức, quan điểm suy nghĩ của nhân vật bằng lời văn "nửa trực tiếp" - chẳng hạn: "Cô than thở với tôi rằng dạo này cô thường nghĩ mọi chuyện một cách duy tâm, hệt như một bà già nhà quê. Mùa hè năm nọ, bão vào Hà Nội gào rú một đêm, sáng ra mở cửa nhìn ra đến Ngọc Sơn mà hãi. Cây si cổ thụ đổ nghiêng, tán cây đè nặng lên hậu cung, một phần bộ rễ bật đất chổng ngược lên trời. Lập tức cô nghĩ ngay đến sự khác thường, sự dè dặt, điềm xấu, là sự ra đi của một thời...". Ở đoạn văn này đã có sự hoà trộn giữa giọng điệu của người TT với giọng của nhân vật. Để tạo sự khách quan trong khi kể, nhà văn không đứng ngoài để miêu tả mà "xâm nhập" vào ý thức nhân vật để nhân vật tự nói lên suy nghĩ, tâm tư của mình, ... khiến cho lời văn có tính đa thanh, đa giọng và biến hoá linh hoạt.

Có nhiều con đường khám phá văn bản văn học tùy thuộc vào sự sáng tạo riêng, độc đáo của mỗi nhà văn. Việc hướng dẫn HS khảo sát văn bản từ góc độ TT sẽ giúp các em phát hiện cái hay, cái đẹp của văn chương không phải chỉ ở góc độ thẩm mỹ mà còn ở phong cách sáng tạo của người viết. □

(1) Phùng Văn Tửu. "Một phương diện của truyện ngắn". Tạp chí Văn học số 2/1996.

(2) G.N Pospelop (chủ biên). **Dẫn luận nghiên cứu văn học**. NXB Giáo dục, H. 1998.

Tài liệu tham khảo

1. Bakhtin. **Lí luận và thi pháp tiểu thuyết** (bản dịch tiếng Việt của Phạm Vĩnh Cu). Trường viết văn Nguyễn Du, 1998.
2. Phương Lưu (chủ biên). **Lí luận văn học**. NXB Giáo dục, H. 1997.
3. Đinh Trọng Lạc. **Phong cách học văn bản**. NXB Giáo dục, H. 1994.
4. Trần Đình Sử (tổng chủ biên). **Ngữ văn 12** (tập II). NXB Giáo dục, H. 2008.

SUMMARY

In Literature program high school, has written to the artistic innovations with unique creativity, especially in terms of narrative. This article analyzes the characteristics of the two specific text: "A Hanoi" and "The child in the family" (Literature 12).

Giải pháp nâng cao chất lượng...

(Tiếp theo trang 47)

hiểu địa phương Thanh Hóa, các nhà khoa học và GV giàu kinh nghiệm dạy môn NV... □

(1) Lê Xuân Đồng (chủ biên). **Ngữ văn 6, 7, 8, 9** (Chương trình địa phương tỉnh Thanh Hóa), 2013.

Tài liệu tham khảo

1. **Thơ Nguyễn Duy**. NXB Thanh Hóa, 2012.
2. **Thơ Huy Trữ chọn lọc**. NXB Văn học, H. 2010.
3. Nguyễn Thúy Hồng. **Đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông**. NXB Giáo dục, H. 2007.
4. Nitko, A.J. **Đánh giá kết quả học tập của học sinh**. Upper Saddle River, NJ: Prentice - Hall/Merill Education, 2004.

SUMMARY

Implementing innovative programs, local books Thanh Hoa Literature classes 6, 7, 8, 9 confirmed the contribution of education efforts locally. By investigating methods of education research, survey plans now, interviewed teachers and students after a semester implement new programs and policies, the paper proposes some solutions to improve the quality of program content, local books Philology Thanh Hoa province in 6, 7, 8, 9 class layers contribute to the goal of the program course Philology in secondary school.